

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**PHẠM THỊ NGỌC LY**

**PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH TRONG**  
**CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN**  
**ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

**Chuyên ngành : Kế toán**

**Mã ngành : 60.34.30**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SỸ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Đà Nẵng, Năm 2012**

Công trình được hoàn thành tại  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG**

PHÂN BIỆN 1: **PGS.TS. HOÀNG TÙNG**

PHÂN BIỆN 2: **TS. PHAN THỊ MINH LÝ**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp  
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 07  
tháng 01 năm 2012

*\* Có thể tìm hiểu luận văn tại :*

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trên địa bàn thành phố Kon Tum, hiện có trên 500 DNNVV hoạt động. Mặc dù số lượng tăng lên không ngừng nhưng cũng nhiều doanh nghiệp chỉ hoạt động một thời gian rồi giải thể, phá sản do gặp phải những khó khăn hiện tại và tiềm tàng không thể giải quyết.

Thực tế cho thấy việc đánh giá mọi mặt tài chính của doanh nghiệp (cấu trúc tài chính và tính thanh khoản, tăng trưởng và hiệu quả, nhận diện những khó khăn hiện tại và tiềm tàng) sẽ rất thiết thực không chỉ cho doanh nghiệp mà cho cơ quan quản lý nhà nước. Khía cạnh này lâu nay không được quan tâm đúng mức.

Từ thực tế trên, tác giả luận văn chọn đề tài “Phân tích tài chính trong các DNNVV trên địa bàn thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum” để làm luận văn tốt nghiệp.

### 2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Mục đích của đề tài là phân tích đặc điểm tài chính của DNNVV trên địa bàn thành phố Kon Tum. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cấu trúc tài chính và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNVV.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

*Phạm vi nghiên cứu:* Luận văn tập trung nghiên cứu các lý thuyết về phân tích tài chính trong doanh nghiệp, sử dụng những lý thuyết này để phân tích tài chính trong các DNNVV trên địa bàn thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

*Đối tượng nghiên cứu:* Nghiên cứu thực tế thông qua phân tích số liệu trong báo cáo tài chính công bố bởi các DNNVV trên địa bàn thành phố Kon Tum.

#### **4. Phương pháp nghiên cứu**

Đây là đề tài nghiên cứu ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn phân tích tài chính trong các DNNVV. Đề phân tích, luận văn sử dụng phương pháp nghiên cứu thực tế thông qua báo cáo tài chính thu thập trực tiếp.

Cấu trúc luận văn gồm 3 phần:

##### **Chương1: Cơ sở lý thuyết về phân tích tài chính DNNVV**

Xây dựng lý thuyết về phân tích tài chính trong DNNVV.

##### **Chương2: Phân tích tài chính DNNVV trên địa bàn TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum**

Giới thiệu về tình hình phát triển của các DNNVV trên địa bàn thành phố Kon Tum, lựa chọn mẫu nghiên cứu, áp dụng lý thuyết phân tích tài chính đã xây dựng ở chương 1 vào phân tích tài chính các DNNVV trên địa bàn TP Kon Tum.

##### **Chương3: Đánh giá tổng hợp và đề xuất**

Dựa vào kết quả nghiên cứu ở chương 2, đánh giá tình hình tài chính các DNNVV trên địa bàn TP Kon Tum và đưa ra một số đề xuất, kiến nghị đối với nhà hoạch định chính sách.

## **Chương 1**

### **CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH**

#### **NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

### **1.1 MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA**

#### **1.1.1 Mục tiêu phân tích tài chính**

Phân tích tài chính là quá trình sử dụng các kỹ thuật phân tích thích hợp để xử lý tài liệu từ báo cáo tài chính và các tài liệu khác, hình thành hệ thống các chỉ tiêu tài chính nhằm đánh giá thực trạng tài chính và dự đoán tiềm lực tài chính trong tương lai.

#### **1.1.2 Nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp**

Phân tích cấu trúc tài chính và cân bằng tài chính

Phân tích hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

Phân tích rủi ro của doanh nghiệp

#### **1.1.3 Một số vấn đề cần quan tâm khi phân tích tài chính trong các DNNVV**

Báo cáo tài chính của các DNNVV không có hệ thống và độ tin cậy không cao

DNNVV dễ bị tổn thương trước sự biến động của thị trường.

Thiếu vốn được coi là vấn đề khó khăn nhất của các DNNVV

Phần lớn các DNNVV hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ

## 1.2 PHÂN TÍCH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

### 1.2.1 Phân tích cấu trúc tài chính doanh nghiệp

#### 1.2.1.1 Phân tích cấu trúc tài sản

Chỉ tiêu phản ánh cấu trúc tài sản:

$$K = \frac{\text{Loại tài sản } i}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

#### 1.2.1.2. Phân tích cấu trúc nguồn vốn của doanh nghiệp

*\* Chỉ tiêu phân tích tính tự chủ về tài chính của doanh nghiệp*

**Tỷ suất nợ**

$$\text{Tỷ suất nợ} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

**Tỷ suất nợ trên VCSH**

$$\text{Tỷ suất nợ trên VCSH} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu}}$$

*\* Chỉ tiêu phân tích tính ổn định của nguồn tài trợ*

$$\text{Tỷ suất nguồn vốn thường xuyên} = \frac{\text{Nguồn vốn thường xuyên}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100\%$$

Hoặc

$$\text{Tỷ suất nguồn vốn tạm thời} = \frac{\text{Nguồn vốn tạm thời}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100\%$$

### 1.2.1.3. Phân tích cân bằng tài chính

#### a. Vốn lưu động ròng và phân tích cân bằng tài chính

Công thức xác định giá trị vốn lưu động ròng của doanh nghiệp:

$$\text{VLĐ ròng} = \text{Nguồn vốn thường xuyên} - \text{Tài sản dài hạn (1)}$$

Hoặc

$$\text{VLĐ ròng} = \text{Tài sản ngắn hạn} - \text{Nguồn vốn tạm thời (2)}$$

#### b. Nhu cầu vốn lưu động ròng và phân tích cân bằng tài chính.

Chỉ tiêu nhu cầu vốn lưu động ròng một cách tổng quát được tính như sau:

$$\text{Nhu cầu VLĐ} = (\text{TSNH} - \text{Tiền}) - (\text{Nợ NH} - \text{Vay NH})$$

$$\text{Nhu cầu VLĐR HĐKD} = \text{Phải thu HĐKD} + \text{HTK} - (\text{Nợ NH} - \text{Vay NH})$$

## 1.2.2 Phân tích hiệu quả của doanh nghiệp

### 1.2.2.1 Chỉ tiêu phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp

#### Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{DTT} + \text{DT H\text{Đ}TC} + \text{TN khác}} \times 100\%$$

#### Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần SXKD

$$\text{Tỷ suất LN trên DTT (SXKD)} = \frac{\text{Lợi nhuận thuần SXKD}}{\text{Doanh thu thuần}} \times 100\%$$

#### Hiệu suất sử dụng tài sản doanh nghiệp

$$\text{Hiệu suất sử dụng TS} = \frac{\text{DTT} + \text{DTT H\text{Đ}TC} + \text{TN khác}}{\text{Tổng tài sản}}$$

#### Hiệu suất sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp

$$\text{Số vòng quay b/q của VL\text{Đ}} = \frac{\text{DTT}}{\text{VL\text{Đ} bình quân}} \quad (\text{vòng})$$



### Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA)

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất} \\ \text{Sinh lời} \\ \text{tài sản} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

Để làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu tỷ suất sinh lợi tài sản, chỉ tiêu ROA còn được chi tiết qua phương trình Dupont:

$$\Delta ROA = AH(LN/DT) + AH(DT/TS)$$

Trong đó: AH(LN/DT) là ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu. Thực chất đây là ảnh hưởng của hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi các chi phí.

AH (DT/TS) là ảnh hưởng của sự thay đổi của tỷ suất doanh thu trên tài sản.

### Tỷ suất sinh lợi kinh tế (ROA tính trước lãi vay)

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất} \\ \text{Sinh lời kinh} \\ \text{tế} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế + chi phí lãi vay}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} \times 100\%$$

#### 1.2.2.2 Phân tích khả năng sinh lợi của vốn chủ sở hữu

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ suất} \\ \text{sinh lợi} \\ \text{VCSH} \end{array} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Nguồn vốn CSH bình quân}} \times 100\%$$

Hiệu quả kinh doanh và cấu trúc tài chính là hai nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến ROE.

Rõ ràng, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cao sẽ dẫn đến khả năng sinh lời vốn chủ sở hữu lớn và ngược lại. Đồng thời ứng với hiệu quả kinh doanh cho trước nếu tỷ suất tự tài trợ càng lớn thì hiệu quả tài chính của doanh nghiệp sẽ càng nhỏ.

### **1.2.3 Khả năng thanh toán của DNNVV**

#### ***1.2.3.1 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn***

Hệ số chung để đánh giá khả năng thanh toán được tính như sau :

$$\text{Khả năng thanh toán} = \frac{\text{Số tiền có thể dùng để trả nợ}}{\text{Số nợ ngắn hạn phải trả}}$$

#### ***1.2.3.2 Khả năng thanh toán lãi vay***

$$\text{Khả năng thanh toán lãi vay} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế} + \text{Lãi vay}}{\text{Lãi vay}}$$

## **Chương 2**

# **PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

## **2.1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ KON TUM**

### **2.1.1 Tình hình phát triển DNNVV của Việt Nam**

Kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê cho thấy, các DNNVV hiện đang chiếm tới 99% số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh của cả nước, 25% tổng đầu tư xã hội và thu hút khoảng 77% lực lượng lao động phi nông nghiệp.

Tuy nhiên, một thực trạng phổ biến trong các DNNVV là hệ thống máy móc, thiết bị lạc hậu, các DNNVV chủ yếu tập trung vào các ngành thương mại, sửa chữa động cơ, xe máy, tiếp đến là các ngành chế biến, xây dựng và các ngành còn lại như kinh doanh tài sản, tư vấn, khách sạn, nhà hàng.

### **2.1.2. Sự phát triển và đặc điểm của các DNNVV trên địa bàn thành phố Kon Tum**

Các DNNVV trên địa bàn thành phố Kon tum các DNNVV phát triển nhanh về số lượng và chất lượng.

Về vốn đăng ký, tại thời điểm năm 2001 tổng số vốn kinh doanh đăng ký là 42.152.417 đồng, đến năm 2008 tổng số vốn kinh doanh

đăng ký của các doanh nghiệp đã lên đến 127.620.544.568 đồng, tăng với tốc độ rất nhanh.

## **2.2 PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CÁC DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

### **2.2.1 Lựa chọn mẫu nghiên cứu**

Lựa chọn những DNNVV được thành lập trước năm 2006 và đang hoạt động ở thời điểm hiện nay, ngẫu nhiên 30 doanh nghiệp được lựa chọn sao cho những ngành nghề kinh doanh phổ biến sẽ được lựa chọn với số lượng doanh nghiệp nhiều hơn.

### **2.2.2 Phân tích cấu trúc tài chính doanh nghiệp**

#### **2.2.2.1 Phân tích cấu trúc tài sản**

Cấu trúc tài sản phụ thuộc vào đặc điểm kinh tế ngành, lĩnh vực hoạt động. Do đó cần xem xét các tỷ số trên theo ngành, theo lĩnh vực. Ba lĩnh vực sau được nhận diện: Sản xuất và kinh doanh tổng hợp (nhóm 1), Kinh doanh dịch vụ vận tải, du lịch, khách sạn, tư vấn thiết kế (nhóm 2), và Kinh doanh mua bán hàng hóa thông thường (nhóm 3).

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các tỷ số phản ánh cấu trúc tài sản là khác nhau giữa từng nhóm. Với tỷ trọng hàng tồn kho thấp (thấp nhất là 1,02%) tập trung ở các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải, du lịch, khách sạn, tư vấn thiết kế. Các doanh nghiệp này hầu như không có hàng tồn kho hoặc rất ít, sản phẩm kinh doanh là các dịch vụ vô hình. Nhưng ngược lại, giá trị tài sản cố định chiếm tỷ trọng khá cao (cao nhất lên tới 93,18%) rơi vào các doanh nghiệp

kinh doanh vận tải, cũng dễ hiểu bởi đây là đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh này.

Tỷ trọng hàng tồn kho cao (cao nhất 87,12%) rơi vào các doanh nghiệp kinh doanh mua bán hàng hóa thông thường như mua bán tư liệu tiêu dùng, xe máy, nông lâm sản, lương thực thực phẩm...

Tỷ trọng khoản phải thu khách hàng thấp (thấp nhất 1,54%) tập trung ở các doanh nghiệp kinh doanh vận tải, dịch vụ taxi, nhà hàng, hoạt động vui chơi giải trí, mua bán vật liệu xây dựng... Bên cạnh đó có 10% doanh nghiệp có tỷ trọng khoản phải thu khách hàng khá cao (cao nhất là 32,29%).

#### ***2.2.2.2. Phân tích cấu trúc nguồn vốn của doanh nghiệp***

Số liệu phân tích cho thấy, tỷ suất nợ trung bình là 37%, một vài doanh nghiệp có tỷ suất nợ bằng 0. Bên cạnh đó cũng có nhiều doanh nghiệp có tỷ suất nợ khá cao (lên đến 93,13%).

Tỷ suất nguồn vốn thường xuyên trung bình là 73.13%, cho thấy có sự ổn định tương đối với nguồn vốn sử dụng và các doanh nghiệp chưa chịu áp lực thanh toán nguồn tài trợ này trong ngắn hạn. Tuy nhiên, có khoảng 46% doanh nghiệp sử dụng nguồn vốn vay dài hạn và có tỷ suất nguồn vốn thường xuyên khá cao (92,96%).

#### ***2.2.2.3. Phân tích cân bằng tài chính***

##### **a. Vốn lưu động ròng và phân tích cân bằng tài chính**

Kết quả cho thấy về tổng quát, vốn lưu động ròng của các doanh nghiệp lớn hơn 0, cân bằng tài chính được đánh giá bảo đảm.

Đặc biệt có một vài doanh nghiệp có tỷ suất nợ cao (lên đến 93,13%) nhưng chủ yếu các doanh nghiệp này vay để tài trợ cho tài sản ngắn hạn như hàng tồn kho, phải thu khách hàng..., hoạt động kinh doanh không đòi hỏi phải đầu tư nhiều vào TSCĐ, vì vậy mặc dù tỷ suất nợ cao nhưng cân bằng tài chính vẫn được đảm bảo.

Bên cạnh đó, có khoảng 16% doanh nghiệp có vốn lưu động ròng nhỏ hơn 0.

### **b.Nhu cầu vốn lưu động ròng**

Kết quả cho thấy về tổng quan, ngân quỹ ròng của các doanh nghiệp đều lớn hơn 0, phản ánh cân bằng tài chính bảo đảm vì các doanh nghiệp không phải vay để bù đắp sự thiếu hụt về nhu cầu vốn lưu động ròng.

Tuy nhiên có một vài doanh nghiệp có ngân quỹ ròng âm (min = -9.241.530). Điều này có nghĩa vốn lưu động ròng không đủ để tài trợ nhu cầu vốn lưu động và doanh nghiệp phải huy động các khoản vay ngắn hạn để bù đắp sự thiếu hụt đó và tài trợ một phần tài sản cố định khi vốn lưu động ròng âm.

### **2.2.3. Phân tích hiệu quả của doanh nghiệp**

#### ***2.2.3.1 Phân tích hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp***

##### **Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu**

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu trung bình của 30 doanh nghiệp không cao, có sự chênh lệch lớn giữa kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp thể hiện ở độ lệch chuẩn lớn (20,82%). Cụ thể 23,3% doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu bình quân

>50%. Tuy nhiên có một vài doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu bình quân rất thấp thậm chí thua lỗ (-4,31%).

### **Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần sản xuất kinh doanh**

Kết quả phân tích cho thấy giá trị lớn nhất và nhỏ nhất của tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần không thay đổi so với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, chứng tỏ trong các DNNVV trên địa bàn thành phố hoạt động tài chính và hoạt động khác ở nhiều doanh nghiệp không đáng kể.

Giá trị trung bình của tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (31,91%) cao hơn so với giá trị trung bình của tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (28,19%) đồng thời mức độ phân tán giá trị này cũng thấp hơn (độ lệch chuẩn nhỏ hơn) thể hiện chính xác hơn kết quả kinh doanh của các DNNVV trên địa bàn thành phố.

Độ lệch chuẩn của chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần lớn (lớn nhất là 15,06%) hầu hết ở các doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần tăng qua các năm, chủ yếu là các doanh nghiệp kinh doanh vận tải, xây dựng.

### **Hiệu suất sử dụng tài sản doanh nghiệp:**

Hầu hết hiệu suất sử dụng tài sản của doanh nghiệp còn thấp và không có xu hướng tăng ổn định qua các năm, 50% doanh nghiệp có giá trị hiệu suất sử dụng tài sản thấp hơn giá trị trung bình điều này cho thấy hiệu suất sử dụng tài sản của các doanh nghiệp không đều, thể hiện giá trị độ lệch chuẩn cao (0,3).

Các DNNVV huy động vốn để đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh nhưng hiệu quả sử dụng vốn không cao, thể hiện có nhiều doanh nghiệp có hiệu suất sử dụng tài sản rất thấp (0,07 lần).

Bên cạnh đó cũng có nhiều doanh nghiệp có hiệu suất sử dụng tài sản cao (cao nhất 1,52 lần), hầu hết là các doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao như phân tích ở trên. Tuy nhiên số lượng doanh nghiệp có hiệu suất sử dụng tài sản thấp chiếm nhiều hơn.

### **Hiệu suất sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp:**

Ba lĩnh vực sau được nhận diện: Sản xuất và kinh doanh tổng hợp (nhóm 1), Kinh doanh dịch vụ vận tải, du lịch, khách sạn, tư vấn thiết kế (nhóm 2) và Kinh doanh mua bán hàng hóa thông thường (nhóm 3).

Kết quả nghiên cứu cho thấy số vòng quay bình quân vốn lưu động của nhiều doanh nghiệp thấp (<1) và không có xu hướng tăng qua các năm. Một phần do đặc thù ngành nghề mà nhóm doanh nghiệp kinh doanh vận tải, du lịch, khách sạn và tư vấn thiết kế có số vòng quay vốn lưu động trung bình khá cao (2,26). Đối với nhóm 1 có tới 73,3% doanh nghiệp có số vòng quay vốn lưu động bình quân thấp hơn so với giá trị trung bình, nhóm hai là 42,8% và nhóm 3 là 50%.

### **Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA):**

Tỷ suất sinh lời của tài sản còn thấp. Điều này là do hiệu suất sử dụng tài sản, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đều thấp.

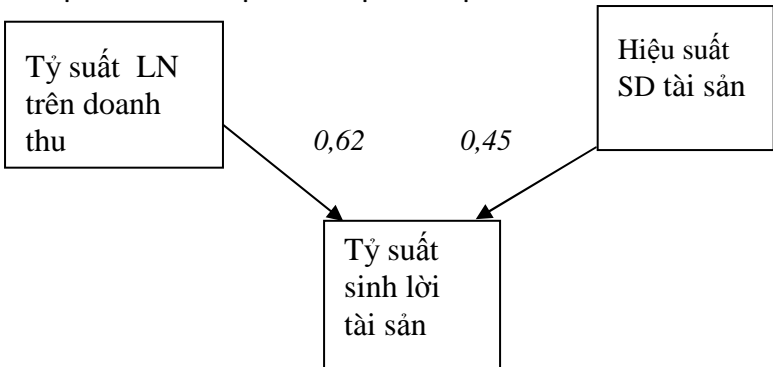


Dựa vào phương trình Dupont và sử dụng phương pháp phân tích hồi quy bội dựa trên nguyên tắc bình phương nhỏ nhất với sự trợ giúp của phần mềm EVIEWS để xét sự ảnh hưởng của các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, hiệu suất sử dụng tài sản đến chỉ tiêu tỷ suất sinh lời của tài sản.

Mô hình thực tiễn về sự tác động của các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (TSLN\_DT), hiệu suất sử dụng tài sản (HSTS) đến tỷ suất sinh lời tài sản của doanh nghiệp (ROA).

$$Y_{ROA} = -25,94 + 0,623 * X_{TSLN\_DT} + 0,45 * X_{HSTS}$$

Mối quan hệ từ mô hình thực tiễn được thể hiện ở sơ đồ 2.5



*Sơ đồ 2.5 Các nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lời của tài sản*

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ suất sinh lời của tài sản tỷ lệ thuận với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, hiệu suất sử dụng tài sản, điều này cũng được thể hiện rõ qua số liệu phân tích ở trên và phù hợp với lý thuyết của phương trình Dupont.

**Tỷ suất sinh lời kinh tế (ROA trước lãi vay):**

Tỷ suất sinh lời kinh tế trung bình là 18,4%. Có 36,6% doanh nghiệp có tỷ suất sinh lời kinh tế lớn hơn 20%, cao nhất là 46,92%. Chỉ tiêu này phụ thuộc vào đặc điểm kinh tế ngành và năng lực điều hành sản xuất kinh doanh của nhà quản lý doanh nghiệp, do đó cần phân tích theo lĩnh vực. Ba lĩnh vực sau được nhận diện: Sản xuất và kinh doanh tổng hợp (nhóm 1), Kinh doanh dịch vụ vận tải, du lịch, khách sạn, tư vấn thiết kế (nhóm 2) và Kinh doanh mua bán hàng hóa thông thường (nhóm 3).

Kết quả cho thấy, các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh tổng hợp có tỷ suất sinh lời kinh tế bằng giá trị trung bình (18,4%). Các doanh nghiệp kinh doanh vận tải, khách sạn... có tỷ suất sinh lời kinh tế thấp hơn, nguyên nhân là do nhiều doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ hoặc lợi nhuận không đáng kể chỉ đủ để bù đắp chi phí vốn vay. Các doanh nghiệp kinh doanh mua bán hàng hóa thông thường có tỷ suất sinh lời kinh tế khá cao (24,71%), lợi nhuận thu được không những có thể chi trả các khoản chi phí vốn vay mà còn tạo ra phần tích lũy cho người chủ sở hữu.

**2.2.3.2. Phân tích khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu**

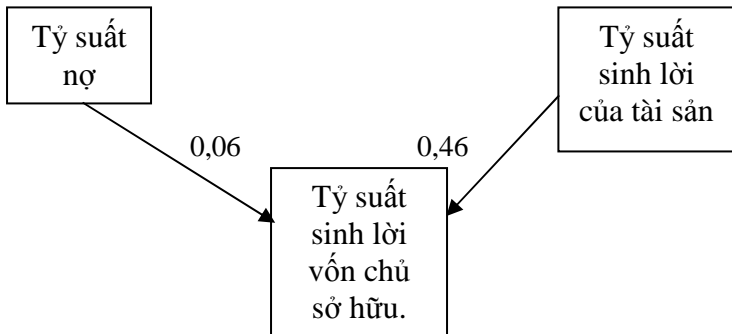
Tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp còn rất thấp. Cụ thể, có 60% doanh nghiệp có tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu thấp hơn giá trị trung bình.

Sử dụng phương pháp phân tích hồi quy bội dựa trên nguyên tắc bình phương nhỏ nhất với sự trợ giúp của phần mềm

EViews . Xét hai nhân tố ảnh hưởng trực tiếp nhất đến tỷ suất sinh lời vốn chủ sở hữu (hiệu quả tài chính) đó là tỷ suất sinh lợi của tài sản (hiệu quả kinh doanh) và tỷ suất nợ (cấu trúc tài chính) của doanh nghiệp.

Mô hình thực tiễn về sự tác động của các chỉ tiêu tỷ suất nợ (TSN), hiệu quả kinh doanh(ROA) đến hiệu quả tài chính của doanh nghiệp (ROE):

$$Y_{ROE} = -2,87 + 0,06 * X_{TSN} + 0,46 * X_{ROA}$$



*Sơ đồ 2.7 Ảnh hưởng của cấu trúc tài chính và hiệu quả kinh doanh đến hiệu quả tài chính doanh nghiệp*

Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả kinh doanh tỷ lệ thuận với hiệu quả tài chính và cấu trúc tài chính cũng có quan hệ tỷ lệ thuận với hiệu quả tài chính.

#### **2.2.4 Khả năng thanh toán**

##### **Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn**

Số liệu phân tích cho thấy 10% doanh nghiệp không vay nợ ngắn hạn mà hoạt động hoàn toàn bằng vốn chủ sở hữu sẽ không chịu áp lực thanh toán. Dựa vào chênh lệch giữa giá trị trung bình và giá trị lớn nhất của khả năng thanh toán, hầu hết các doanh nghiệp có khả năng thanh toán thấp, cụ thể 16,6% doanh nghiệp có khả năng thanh toán hiện hành  $< 1$ ; 60% doanh nghiệp có khả năng thanh toán nhanh  $< 1$ ; 70% doanh nghiệp có khả năng thanh toán tức thời  $< 1$ , những con số trên thể hiện áp lực thanh toán trong ngắn hạn của doanh nghiệp, tuy nhiên nó có thể cung cấp những tín hiệu chưa đầy đủ, trong nhiều trường hợp sẽ không có ý nghĩa vì việc đo lường độ cấp thiết cũng như khả năng hoán chuyển thành tiền cũng còn mang tính chất chung. Ngoài ra, khó có thể tìm ra một hệ số chuẩn để so sánh mà chỉ có thể so sánh các hệ số qua thời gian hoặc giữa các doanh nghiệp cùng loại hình, cùng quy mô mới có kết luận cụ thể.

##### **Khả năng thanh toán lãi vay**

Hầu hết các doanh nghiệp đều có khả năng thanh toán các khoản lãi vay tuy không cao. Trong năm 2007 chỉ có khoảng 10% doanh nghiệp có chỉ tiêu khả năng thanh toán lãi vay  $< 1$ , đến năm 2009 con số này giảm xuống 6,6%, những doanh nghiệp này kinh doanh không có hiệu quả, và phải sử dụng vốn chủ sở hữu để trả lãi vay, dẫn tới nguy cơ phá sản.

### **Chương 3**

## **ĐÁNH GIÁ TỔNG HỢP VÀ ĐỀ XUẤT**

### **3.1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CÁC DNNVV TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

#### **3.1.1 Điểm mạnh**

Nhìn chung, các doanh nghiệp có tỷ suất nợ (37%) thấp hơn so với số liệu thống kê (41%), thể hiện tính tự chủ tài chính cao.

Cân bằng tài chính của các doanh nghiệp nghiên cứu nhìn tổng thể được đánh giá bảo đảm.

Một vài doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu lớn hơn 50%, nhờ vậy mà tỷ suất sinh lời tài sản của các doanh nghiệp này cũng khá cao, điều này cho thấy tiềm năng phát triển của DNNVV trong lĩnh vực này.

Một vài doanh nghiệp có tốc độ phát triển rất nhanh, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần tăng đáng kể.

Những doanh nghiệp kinh doanh bằng vốn chủ sở hữu sẽ không chịu áp lực thanh toán từ các chủ nợ.

Hầu hết các doanh nghiệp vay vốn có khả năng thanh toán lãi vay, tỷ suất sinh lời kinh tế khá cao (24,71%).

#### **3.1.2 Điểm yếu**

Tỷ suất nợ cao, cân bằng tài chính không đảm bảo tồn tại ở các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực đòi hỏi đầu tư nhiều vào cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải..

Hiệu quả kinh doanh không cao ở nhiều doanh nghiệp.

Các chỉ tiêu thể hiện năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của các DNNVV trên địa bàn Thành Phố Kon Tum đều thấp hơn số liệu thống kê các DNNVV của cả nước.

**Những tồn tại trên do các nguyên nhân chủ yếu sau**

*(Trích dẫn - Dự án phát triển DNNVV Tỉnh Kon Tum thông qua tại kỳ họp lần thứ 4, hội đồng nhân dân Tỉnh khóa IX)*

***Nguyên nhân khách quan:***

Các doanh nghiệp phân bố không đều đầu tư phát triển chủ yếu ở thành phố, cơ cấu ngành nghề còn thiên đầu tư vào các ngành đòi hỏi ít vốn đầu tư như dịch vụ, thương mại.

Vay vốn đang là vấn đề khó khăn đối với các DNNVV. Các doanh nghiệp này không sự trợ giúp về vốn từ nguồn ngân sách.

Trình độ công nghệ, trang thiết bị, máy móc lạc hậu, ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin và các dịch vụ tư vấn hỗ trợ cho các nhà sản xuất kinh doanh của Tỉnh còn rất hạn chế.

***Nguyên nhân chủ quan:***

Tư tưởng ngại đầu tư, sợ mạo hiểm.

Sự yếu kém về tri thức quản lý. Quản lý nội bộ của DNVVN vẫn còn yếu, kém phát triển, không chuyên nghiệp, chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân của các chủ doanh nghiệp.

## **3.2 MỘT SỐ ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI CÁC DNNVV VÀ NHÀ HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH.**

### **3.2.1 Cải thiện cấu trúc tài chính DNNVV**

#### **3.2.1.1 Cấu trúc tài sản**

Thanh lý bớt những tài sản cố định đã lỗi thời, mở rộng đầu tư từ vốn chủ hoặc vốn vay dài hạn.

Đẩy nhanh việc quay vòng vốn lưu động như sử dụng chính sách tín dụng đối với khách hàng, lên kế hoạch mua hàng, dự trữ và bán hàng thích hợp.

Tiến hành cấu trúc lại danh mục tài sản trong bảng cân đối kế toán một cách có chủ đích nhằm phục vụ cho mục tiêu tăng trưởng và tạo ra lợi nhuận cao, loại bỏ bớt những tài sản không quan trọng và bỏ qua những dòng tiền khó kiểm soát.

#### **3.2.1.2 Cấu trúc nguồn vốn**

Đối với những doanh nghiệp không vay nợ đều có tỷ suất sinh lời kinh tế khá cao (lớn hơn 20%) như vậy nếu những doanh nghiệp này có thể khéo léo sử dụng nguồn vốn vay thì cùng một hiệu quả kinh doanh, nó có thể tạo ra lợi nhuận tăng hơn rất nhiều so với trước.

Các doanh nghiệp cần xây dựng cấu trúc vốn tối ưu nhằm làm giảm rủi ro và chi phí vốn.

Đối với những doanh nghiệp có tỷ suất nợ quá cao lên đến 93,13%, trong trường hợp này doanh nghiệp nên tìm mọi cách để giảm bớt tỷ suất nợ vì đây là một tỷ suất nợ mang quá nhiều rủi ro và

vấn đề mất khả năng thanh toán có thể xảy ra, điều này dẫn đến khả năng doanh nghiệp bị phá sản.

### **3.2.1.3 Duy trì cân bằng tài chính**

Đối với những doanh nghiệp đòi hỏi tỷ trọng TSCĐ lớn như kinh doanh vận tải, khách sạn, du lịch..nguồn vốn thường xuyên không đủ để tài trợ cho TSCĐ nên doanh nghiệp phải huy động từ vốn vay ngắn hạn, dẫn đến mất cân bằng tài chính và doanh nghiệp phải chịu áp lực thanh toán cho các chủ nợ. Vì vậy để giữ cho tình trạng cân bằng tài chính được đánh giá tốt và an toàn các doanh nghiệp nên cố gắng thay đổi cơ cấu vốn đầu tư, dùng vốn chủ sở hữu hoặc vốn vay dài hạn để tài trợ cho tài sản cố định.

### **3.2.2 Nâng cao hiệu quả hoạt động của DNNVV**

Thứ nhất, các chủ doanh nghiệp phải tích cực tham gia vào các khóa đào tạo để nâng cao trình độ tri thức quản lý, cần tham gia các hiệp hội ngành nghề để chia sẻ tri thức và kinh nghiệm với các doanh nghiệp khác trong cùng một ngành nghề.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện cấu trúc tổ chức có tính hệ thống, khoa học, phù hợp với quy mô của doanh nghiệp.

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Thứ tư, cần chú trọng nâng cao năng lực hoạch định chiến lược, lập phương án kinh doanh khả thi.



## KẾT LUẬN

DNNVV là loại hình doanh nghiệp chiếm đa số về mặt lượng và góp phần đáng kể vào GDP của nền kinh tế Việt Nam hiện nay. Cùng với sự phát triển của các DNNVV trong cả nước, trong những năm qua trên địa bàn thành phố Kon Tum các DNNVV cũng phát triển nhanh về số lượng và chất lượng đã góp phần vào mục tiêu tăng trưởng cũng như đóng góp lớn vào tổng thu ngân sách, tạo việc làm, tăng thu nhập cá nhân, góp phần đáng kể trong việc huy động nguồn vốn đầu tư trong dân cho phát triển kinh tế xã hội, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy cạnh tranh.

Luận văn đã xây dựng các chỉ tiêu phản ánh cấu trúc tài chính và hiệu quả hoạt động của các DNNVV trên địa bàn Thành Phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum.

Qua các chỉ tiêu tài chính, tính đặc thù về ngành nghề kinh doanh của các DNVNN được thể hiện rất rõ nét trong cấu trúc tài chính doanh nghiệp (tỷ trọng các loại tài sản), về cấu trúc nguồn vốn cũng có sự khác biệt với các doanh nghiệp lớn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng khá cao ở nhiều doanh nghiệp, có trường hợp sử dụng 100% vốn chủ sở hữu.

Đồng thời, luận văn cũng đề cập đến những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các DNNVV hoạt động kém hiệu quả. Từ đó tìm cách khắc phục và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Tuy chưa thực sự phát triển bền vững thể hiện ở một vài doanh nghiệp có cấu trúc tài

chính kém an toàn và hiệu quả hoạt động thấp thậm chí thua lỗ nhưng các DNNVV cũng đã góp phần đáng kể cho sự phát triển của thành phố Kon Tum.

Kết quả nghiên cứu phụ thuộc rất lớn vào số liệu trên báo cáo tài chính của các DNNVV. Tuy nhiên thực tế cho thấy hầu hết các DNNVV không có báo cáo kiểm toán để cung cấp cho các tổ chức bên ngoài. Đồng thời có nhiều doanh nghiệp thuê dịch vụ bên ngoài báo cáo tài chính cho mình, có rất ít DN sử dụng phần mềm kế toán. Vì vậy điều này gây khó khăn cho công tác phân tích tài chính của doanh nghiệp và ảnh hưởng ít nhiều đến kết quả nghiên cứu của tác giả luận văn.